

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 344/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 9 -2019

*“V/v ly hôn giữa
chị D và anh L”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thê Phương.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2019 về tranh chấp *“Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1989 (có mặt).

HKTT: Tổ 5, ấp Tr 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Hiện trú tại: Tổ 2, ấp Hưng Th 1, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1979 (có mặt).

Trú tại: Tổ 5, ấp Tr 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 17/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

Thông qua mai mối được sự đồng ý của chị D và anh L cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 16 tháng 5 năm 2011.

Sau khi cưới chị và anh L sống ở nhà anh L, được thời gian thì vợ chồng lên Bình Dương tìm việc làm. Thời gian đầu sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thiếu quan T, chăm sóc vợ con, chỉ lo ăn chơi cờ bạc, dẫn đến nợ nần nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nhiều lần chị D góp ý nhưng anh L không sửa đổi mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Tháng 4/2019 chị D bỏ về nhà cha mẹ chị sống, vợ chồng ly thân từ đó. Nay tình cảm không còn chị D yêu cầu ly hôn với anh L

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/04/2012. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:

Tôi thống nhất phần trình bày của chị D về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị D yêu cầu ly hôn tôi không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, yêu cầu Tòa cho thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị D, anh L thì được ông Nguyễn Thanh T (cha ruột anh L) cho biết. Sau khi cưới vợ cho con, vợ chồng L sống với tôi được thời gian thì lên Bình Dương làm công ty nên ông không biết rõ mâu thuẫn gì mà D(con dâu ông) xin ly hôn, khoảng hai tháng trước cha mẹ D có đến nói chuyện với ông về việc L ăn chơi cờ bạc, làm không đưa tiền cho vợ con, vợ chồng L có cự cãi hay không thì ông không biết. Con của L tên Nguyễn Thành T đang ở nhà với cha mẹ D. Hiện tại L vẫn sống chung nhà với vợ chồng ông, khi nhận các thông báo của Tòa ông đều cho L biết nhưng L bận đi làm nên không về được.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Q (mẹ ruột) chị D cho biết: Mâu thuẫn của vợ chồng D phát sinh 03 năm nay do L ăn chơi cá độ đá banh, gây nợ nần, D không đồng ý nên vợ chồng cãi nhau, bà biết được mâu thuẫn vợ chồng do D kể cho bà nghe, mỗi lần vợ chồng cãi nhau L đều hứa sửa đổi nhưng không thực hiện. D về nhà bà sống từ tháng 4/2019 đến nay. L có đến nhà thăm con một lần, mẹ của L cũng năn nỉ tôi cho D trở về nhà nhưng L không nói gì nên D không đồng ý. Hai bên sui gia cũng có ngồi nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng L nhưng không được. Nay D, L không thể hàn gắn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của chị D và anh L có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được. Nên yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Hiện tại anh, chị không tranh chấp, anh L đồng ý tiếp tục giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị D nghĩ cũng phù hợp đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh L có nơi cư trú tại ấp Trung 3, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

[2.] Về nội dung:

Hôn nhân của Chị D và anh L được xác lập năm 2010, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị D, anh L có nhiều mâu thuẫn do anh L thiếu quan T, chăm sóc vợ con, thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, vợ chồng vì thế hay cãi nhau, chị D cũng cho anh L nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh L không thay đổi, tình cảm vì thế mà dần phai nhạt. Nên chị D bỏ về nhà cha mẹ chị sống từ tháng 4/2019 đến nay.

Theo quy định Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, theo quy định này thì yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị D và anh L thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành T 28/4/2012 con chung chưa thành niên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2019 thì cháu Thành T có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Hội đồng xét xử giao con chung Thành T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của con. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D, anh L trình bày nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

-Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

2.Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 28/4/2012 cho chị Trần Thị Mỹ D tiếp tục nuôi dưỡng, con chung hiện đang sống với chị D. Anh Nguyễn Thành L không phải cấp dưỡng cho con.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chưa thành niên không cố định Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Mỹ D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Thành L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

5. Về án phí: Chị Trần thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005964 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Chị D không phải nộp thêm án phí.

Anh Nguyễn Thành L không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thị Ngọc Thảo